TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:181/2023/DS-ST
Ngày: 28- 7- 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sức

2. Bà Nguyễn Thuý Phượng

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa****:* Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:16/2023/TLST-DS ngày 09/02/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 166/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* NHCSXH. Địa chỉ: số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Ng Nga, sinh năm 1981 – Phó giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện PT. Nơi cư trú: đường Phan Thanh Giản, khóm thị 1, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (văn bản uỷ quyền ngày 06/6/2022) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thế D, sinh năm 1956. Nơi cư trú: tổ 03, ấp H Tân, xã Phú H, huyện PT, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị Minh Ng, sinh năm 1982, nơi cư trú: ấp Phú Hạ, xã Phú Xuân, huyện PT, tỉnh An Giang (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1985, nơi cư trú: ấp 9, xã Khánh Hội,

huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có yêu cầu vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn Minh S, sinh năm 1989, nơi cư trú: tổ 03, ấp H Tân, xã Phú H, huyện PT, tỉnh An Giang (có yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn do bà Nguyễn Ng Nga đại diện theo uỷ quyền trình bày:

+ Ngày 21/11/2007, ông Nguyễn Thế D đại diện hộ gia đình vay vốn theo chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cho Nguyễn Văn Minh S chi phí học tập, số tiền vay 54.600.000 đồng, hạn trả 21/11/2019, được gia hạn nợ đến ngày 07/11/2021 và chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 06/01/2022. Tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày khởi kiện (04/01/2023) là 93.033.000 đồng.

+ Ngày 13/7/2009, ông Nguyễn Thế D đại diện hộ gia đình vay vốn theo chương trình cho vay giải quyết việc làm, số tiền vay 15.000.000 đồng, hạn trả 13/07/2012, được gia hạn nợ đến ngày 06/01/2014 và chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 06/01/2014. Tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 04/01/2023 là 22.180.000 đồng.

+ Ngày 06/4/2010, ông Nguyễn Thế D đại diện hộ gia đình vay vốn theo chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cho em Nguyễn Thị Minh T chi phí học, số tiền vay 32.080.000 đồng, hạn trả 06/04/2021, được gia hạn nợ đến ngày 06/04/2022 và chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 06/04/2022. Tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 04/01/2023 là 53.361.000 đồng. Các khoản vay nói trên có mức lãi suất trong hạn 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn 0,845%/tháng. Mặc dù khi đến hạn đã qua nhiều lần đôn đốc nhắc nhở, nH ông D không trả. Nay yêu cầu ông Nguyễn Thế D và các con Nguyễn Thị Minh Ng, Nguyễn Văn Minh S, Nguyễn Thị Minh T phải liên đới trả cho NHCSXH số tiền gồm vốn và lãi đến ngày 04/01/2023 là 168.574.000 đồng (vốn gốc 101.680.000 đồng, lãi 66.894.000 đồng) và tiền lãi phát sinh sau ngày 04/01/2023 đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Thế D đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nH vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Minh Ng đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nH vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Minh T, anh Nguyễn Văn Minh S có gửi văn bản ý kiến ngày 26/6/2023, đồng ý chịu trách nhiệm liên đới với ông D trong việc trả các khoản vay mà ngân hàng khởi kiện, do hoàn cảnh khó khăn đi làm thuê ở xa nên xin trả dần và xin được vắng mặt.

Tại phiên toà: Bà Nga xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông D, chị Ng, chị T và anh S phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền đến ngày xét xử là 171.312.615 đồng gồm vốn gốc 101.680.000 đồng và lãi: 69.632.615 đồng.

Ông D trình bày: Ông có vay vốn của NHCSXH và còn nợ số tiền vốn, lãi của 03 khoản vay đúng như nguyên đơn yêu cầu. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên ông và các con Minh T, Minh Ng, Minh S xin trả dần đến khi dứt số tiền 171.312.615 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT phát biểu ý kiến:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông D, chị Ng, chị T, anh S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho NHCSXH số tiền 171.312.615 đồng gồm vốn và tiền lãi. Các đương sự D, T, Ng và S phải cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về quan hệ pháp luật: NHCSXH với ông Nguyễn Thế D có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng không vì mục đích kinh doanh thu lợi nhuận nên xác định đây là tranh chấp dân sự, quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Ông D là bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú H, huyện PT, An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT theo điểm b, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về áp dụng pháp luật: Mặc dù giao dịch dân sự được xác lập vào 21/11/2007 khi Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực nH có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.4] Chị Ng đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nH vắng mặt không rõ lý do; anh S, chị T ý kiến bằng văn bản yêu cầu vắng mặt, nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt

các đương sự nói trên.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Vào các ngày 21/11/2007, 13/7/2009, 06/4/2010 phòng giao dịch NHCSXH huyện PT đã chấp thuận cho ông D vay tiền 54.600.000 đồng cho Nguyễn Văn Minh S có chi phí học tập ở trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Công Nghệ Vạn Xuân, vay số tiền 32.080.000 đồng cho Nguyễn Thị Minh T có chi phí học tập ở trường Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông và vay số tiền 15.000.000 đồng giải quyết việc làm cho ông D, chứng cứ khởi kiện là sổ vay vốn. Xét về hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ông D trực tiếp nhận các thông báo của Toà án nH không đến tham dự phiên hoà giải, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên toà, ông D có mặt và thống nhất lời trình bày cũng như yêu cầu của nguyên đơn, hiện nay ông và các con Ng, S, T còn nợ ngân hàng số tiền vốn và lãi tổng cộng 171.312.615 đồng, nH do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần đến khi dứt nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Đối với tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn nguyên đơn yêu cầu tính đến ngày 28/7/2023 căn cứ theo quy định hợp đồng các bên đã ký kết, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp, nên chấp nhận số tiền lãi của 03 khoản vay là 69.632.615 đồng.

[2.3] Cả 03 khoản vay ngày 21/11/2007, 13/7/2009, 06/4/2010 do ông D trực tiếp ký tên sổ vay vốn cùng với người thừa kế là Nguyễn Thị Minh Ng để cho chị T và anh S có chi phí học tập. Anh S, chị T có văn bản ý kiến đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nH xin được trả dần do hoàn cảnh khó khăn, đi làm thuê ở xa. Do đó, căn cứ Điều 463, Điều 468, Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông Nguyễn Thế D, chị Nguyễn Thị Minh T, chị Nguyễn Thị Minh Ng và anh Nguyễn Văn Minh S phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay cho NHCSXH số tiền 171.312.615 đồng gồm vốn gốc 101.680.000 đồng, lãi: 69.632.615 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: NHCSXH không phải chịu án phí. Ông D, chị Ng, chị T và anh S phải cùng chịu án phí có giá ngạch (171.312.615 đồng x 5% = 8.565.000 đồng) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Điều 288, Điều 463, Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHCSXH đối với bị đơn ông Nguyễn Thế D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Minh T, chị Nguyễn Thị Minh Ng, anh Nguyễn Văn Minh S về hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Thế D, chị Nguyễn Thị Minh T, chị Nguyễn Thị Minh Ng và anh Nguyễn Văn Minh S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho NHCSXH số tiền vay 171.312.615 đồng (*Một trăm bảy mươi mốt triệu ba trăm mười hai ngàn sáu trăm mười lăm đồng*) gồm vốn gốc 101.680.000 đồng và tiền lãi 69.632.615 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông D, chị Ng, chị T, anh S còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận sổ vay vốn theo chương trình cho vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

NHCSXH không phải chịu án phí.

Ông Nguyễn Thế D, chị Nguyễn Thị Minh T, chị Nguyễn Thị Minh Ng và anh Nguyễn Văn Minh S phải cùng chịu án phí 8.565.000 đồng (*Tám triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S, chị Ng, chị T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. PT;
- Chi cục THADS H. PT;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung